

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Trụ sở chính: Số 81 Đường Lê Đại, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 do Sở KH-ĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2004 và đã được đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 26/11/2024

Tel: 0988715599 - Email: thuydienandiem2@gmail.com Website: www.songvang.info.vn

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 được tổ chức cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** 08h00 ngày 04 tháng 05 năm 2026.
- 2. Địa điểm:** Văn phòng Nhà máy thủy điện An Diễm II (trực thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng) – Tại thôn Đại Mỹ, Xã Thượng Đức, Thành phố Đà Nẵng.
- 3. Nội dung:** Theo nội dung, chương trình Đại hội kèm theo.
- 4. Tài liệu phục vụ Đại hội:** Đăng tải toàn bộ trên Website: <https://songvang.info.vn/tai-lieu-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2026/>
- 5. Đối tượng tham dự:** Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (hoặc người được ủy quyền tham dự hợp lệ).

Trường hợp Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng hoặc người khác tham dự theo mẫu quy định (mẫu giấy ủy quyền gửi kèm thư mời họp).

6. Đăng ký tham dự Đại hội:

Để việc tổ chức Đại hội được thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý Cổ đông xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội qua thư tín, fax, điện thoại hoặc email trước 17 giờ ngày 30/04/2026 theo địa chỉ sau:

- **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG**
- Số 81 Đường Lê Đại, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.
- Di động/Zalo: 0973900707- Ông: Phạm Văn Long - Email: longsongvang@gmail.com.

Khi đến tham dự Đại hội, kính đề nghị Quý cổ đông/người được ủy quyền phải xuất trình các giấy tờ sau: **Thư mời, thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (bản chính), giấy ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền tham dự đại hội) và bản giao bản sao giấy CCCD của người ủy quyền để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.**

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2026

THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

CHỦ TỊCH

CÔNG TY

CỔ PHẦN

THỦY ĐIỆN

SÔNG VÀNG

Q. HAI CHAU - TP. Đ. N. G.

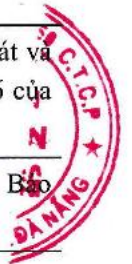
Nguyễn Thái Hưng

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: 08h00 ngày 04/05/2026

Địa điểm tổ chức: Văn phòng Nhà máy thủy điện An Điền II (trực thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng) – Tại thôn Đại Mỹ, xã Thượng Đức, Thành phố Đà Nẵng.

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00 - 8h30	- Đăng ký cổ đông, phát tài liệu
8h30 - 8h35	- Khai mạc, giới thiệu Đại biểu
8h35 - 8h40	- Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông và công bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành.
8h40 - 8h45	- Đại hội thông qua Ban Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu
8h45 - 8h50	- Thông qua Nội dung, chương trình và Quy chế tổ chức Đại hội
8h50 - 9h10	- Báo cáo của HĐQT về Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.
9h10 - 9h30	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty.
9h30 - 9h50	- Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát.
9h50 - 10h10	- Báo cáo chi trả thù lao và tiền lương cho HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2025 và phương án chi trả thù lao và tiền lương năm 2026 của HĐQT;
10h10-10h30	- Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT ngày 07/04/2026 của HĐQT về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán.
10h30 - 10h50	- Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS ngày 06/04/2026 của Ban kiểm soát về việc Thông qua Lựa chọn đơn vị soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2026 và Kiểm toán tài chính năm 2026.
10h50 - 11h00	- Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 07/04/2026 của HĐQT về việc Điều chỉnh tiến độ hoàn thành dự án và đưa vào vận hành phát điện dự án An Điền II mở rộng.
11h00 - 11h30	- Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình.
11h30 - 11h40	- Thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội
11h40 - 11h50	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11h50	- Bế mạc Đại hội



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD 2025
và phương hướng hoạt động SXKD năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Căn cứ tình hình thực tế SXKD năm 2025 của CTCP Thủy điện Sông Vàng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng xin báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

1. Đánh giá tình hình SXKD năm 2025 của Công ty CP thủy điện Sông Vàng:

- Sản lượng điện: 84,453 triệu KWh đạt 119,82%, doanh thu: 89,567 tỷ đồng đạt 111,34% kế hoạch năm 2025. (Chi tiết như phụ lục 01 đính kèm).
- Nộp ngân sách: 28,386 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT: 8,009 tỷ đồng; thuế tài nguyên: 9,196 tỷ đồng, thuế TNDN : 6,359 tỷ đồng, thuế MTR: 3,040 tỷ đồng, Tiền cấp quyền khai thác TNN năm 2025 : 1,383 tỷ đồng, Tiền thuê đất : 0,318 tỷ đồng).

*** Đánh giá kết quả SXKD năm 2025 so với Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua như sau:**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng (kWh)	70.481.968	84.453.112	119,82
2. Doanh thu bán điện	80.445.091.901	89.567.358.991	111,34
3. Giá vốn hàng bán	19.275.414.257	19.125.494.845	99,22
Trong đó: Khấu hao TSCĐ	11.756.536.276	11.606.720.058	98,73
4. Lợi nhuận gộp	61.169.677.644	70.441.864.146	115,16
5. Doanh thu hoạt động TC		537.959.007	
6. Chi phí tài chính	6.726.164.355	5.786.505.777	86,03
Trong đó : Chi phí lãi vay	6.726.164.355	5.786.505.777	86,03

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)
7. Thu nhập khác		434.602.694	
8. Chi phí khác		880.412.686	
9. Chi phí quản lý DN	2.717.909.984	2.354.513.563	86,63
10. Lợi nhuận trước thuế	51.725.603.305	62.392.993.821	120,62
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.172.560.331	6.359.171.612	122,94
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.553.042.974	56.033.822.209	120,37

2. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT năm 2025 như sau:

- HĐQT thường xuyên cập nhật các báo cáo hoạt động SXKD, báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính bán niên 2025, kế hoạch SXKD năm 2025 của công ty.
- HĐQT thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, đánh giá chung đã hoàn thành các yêu cầu đề ra.
- Trong năm 2025 HĐQT đã họp và ra một số nghị quyết và quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2025/NQ-HĐQT	06/03/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng của cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ TN 2025.	100%
02	02/2025/NQ-HĐQT	03/06/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng của cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.	100%
03	03/2025/NQ-HĐQT	30/06/2025	Thông qua việc hủy kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.	100%
04	04/2025/NQ-HĐQT	30/09/2025	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 3.2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.2025.	100%

3. Báo cáo về thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2025:

- Năm 2025, Công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao và tiền lương cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT làm việc kiêm nhiệm theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền lương năm 2025 (đồng)	Ghi chú
----	-----------	----------	----------------------------	---------

A				
Tiền lương của Tổng giám đốc				
1	Tổng giám đốc	01	415.108.340	Hưởng lương chuyên trách
	Cộng A		415.108.340	
B				
Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS và thư ký HĐQT				
1	Chủ tịch HĐQT	01	72.000.000	6.000.000 đồng/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	02	96.000.000	4.000.000 đồng/người/tháng
3	Trưởng ban KS	01	24.000.000	2.000.000 đồng/người/tháng
4	Thành viên BKS	02	48.000.000	2.000.000 đồng/người/tháng
5	Thư ký HĐQT	01	18.000.000	1.500.000 đồng/người/tháng
	Cộng B		258.000.000	
	Tổng cộng (A + B)		673.108.340	

(Bảng chữ: Sáu trăm bảy mươi ba triệu, một trăm lẻ tám ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).

4. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2026:

HĐQT tiếp tục nghiên cứu định hướng phát triển Công ty theo nguyên tắc cân trọng, hiệu quả với một số chỉ tiêu như sau:

- HĐQT tiếp tục theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tái cấu trúc tài chính Công ty, trong đó tập trung vào việc cơ cấu nợ vay, giảm lãi xuất cho vay, trích một phần nguồn thu từ bán điện để trả nợ cho các Nhà thầu thi công. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về chế độ lao động, tiền lương đảm bảo lợi ích của người lao động.
- Chỉ đạo Ban điều hành đẩy nhanh tiến độ cải tạo và nâng cấp dự án Nhà máy Thủy điện An Diêm II mở rộng.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện việc nạo vét lòng hồ để tăng dung tích hồ chứa nước cho Nhà máy, xây dựng biện pháp thi công tối ưu nhằm bảo vệ môi trường và tài nguyên.
- Tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hành tiết kiệm chống lãng phí, kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo Công ty duy trì việc áp dụng tốt các quy trình vận hành nhà máy, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường công nghiệp và xung quanh nhà máy.

5. Một số kiến nghị:

HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét thông qua một số vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng;
- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát;
- Thông qua Báo cáo chi trả thù lao và tiền lương cho HĐQT&BKS và thư ký HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT ngày 07/04/2026 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán;
- Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS ngày 06/04/2026 của Ban kiểm soát về việc Lựa chọn đơn vị soát xét BCT C 06 tháng đầu năm 2026 và Kiểm toán tài chính năm 2026.

- Thông qua Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 07/04/2026 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua điều chỉnh tiến độ hoàn thành và đưa vào phát điện Dự án thủy điện An Điền II mở rộng;

Trân trọng báo cáo!

* Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thái Hưng

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

Kính gửi: - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;
- HĐQT - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2026 cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025:

1. Tình hình SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng:

- Sản lượng điện: 84,453 triệu KWh đạt 119,82%, doanh thu: 89,567 tỷ đồng đạt 111,34% kế hoạch năm 2025. (Chi tiết như phụ lục 01 đính kèm).
- Nộp ngân sách: 28,386 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT: 8,009 tỷ đồng; thuế tài nguyên: 9,196 tỷ đồng, thuế TNDN : 6,359 tỷ đồng, thuế MTR: 3,040 tỷ đồng, Tiền cấp quyền khai thác TNN năm 2025 : 1,383 tỷ đồng, Tiền thuê đất : 0,318 tỷ đồng).

*** Đánh giá kết quả SXKD năm 2025 so với Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua như sau:**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng (kWh)	70.481.968	84.453.112	119,82
2. Doanh thu bán điện	80.445.091.901	89.567.358.991	111,34
3. Giá vốn hàng bán	19.275.414.257	19.125.494.845	99,22
<i>Trong đó: Khấu hao TSCĐ</i>	<i>11.756.536.276</i>	<i>11.606.720.058</i>	<i>98,73</i>
4. Lợi nhuận gộp	61.169.677.644	70.441.864.146	115,16
5. Doanh thu hoạt động TC		537.959.007	
6. Chi phí tài chính	6.726.164.355	5.786.505.777	86,03
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	<i>6.726.164.355</i>	<i>5.786.505.777</i>	<i>86,03</i>
7. Thu nhập khác		434.602.694	
8. Chi phí khác		880.412.686	
9. Chi phí quản lý DN	2.717.909.984	2.354.513.563	86,63

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)
10. Lợi nhuận trước thuế	51.725.603.305	62.392.993.821	120,62
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.172.560.331	6.359.171.612	122,94
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.553.042.974	56.033.822.209	120,37

(Chi tiết xem Phụ lục 01 đính kèm).

2.Công tác Tài chính – Kế toán:

a. Tình hình vay, trả nợ vay ngân hàng:

STT	Tên ngân hàng	ĐVT	Dư nợ ngày 01/01/2025	PS Tăng	PS Giảm	Dư nợ ngày 31/12/2025
1	Ngân hàng OCB Nghệ An	Tỷ đồng	221,691	58,612	69,333	210,970
2	Trần Thu Hương	Tỷ đồng	27,379	1,917		29,296
3	Công ty CPĐTPT ĐL An Nhân		6,358	0,053	6,411	0
	Tổng cộng		255,428	60,582	75,744	240,266

b. Tình hình vốn thanh toán cho các Nhà thầu:

Sau khi quyết toán với các Nhà thầu thì số nợ mà Công ty phải thanh toán là: 45.218.533.103 đồng. Đây là khoản nợ chủ yếu phải trả cho các Nhà thầu thi công xây dựng.

2. Công tác quản lý Công ty:

a. Về lao động.

* Khối văn phòng Công ty có 04 CBCNV (gồm 01 giám đốc, 01 kế toán và 02 lái xe kiêm nhân viên Hành chính – Tổ chức).

* Nhà máy được bố trí 32 người. Gồm: 01 Giám đốc nhà máy (do phó giám đốc Công ty kiêm nhiệm); 01 Phó giám đốc nhà máy. Kỹ thuật và sửa chữa: 03 người; Vận hành tại Đập: 04 người; Vận hành nhà máy: 12 người; cấp dưỡng: 01 người; Nhân viên tuyển dụng mới: 10 người (Nhân viên vận hành nhà máy mới).

b. Về thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và cơ quan bảo hiểm:

Tổng số lao động được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đến ngày 31/12/2025 là: 36 người /36 người.

Tổng số tiền nợ ngân sách và bảo hiểm đến 31/12/2025:

- Nợ ngân sách NN: 5,825 tỷ đồng
- Nợ Bảo hiểm xã hội: 1.064.769 đồng.
- Nợ bảo hiểm y tế: 0 đồng.
- Nợ BHTN: 0 đồng.

100476
CÔNG
CỔ PH
THỦY
SÔNG
VH PHỐ

3. Tiến độ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện An Điền II (phần mở rộng):
Tiến độ thi công phần xây dựng và lắp đặt thiết bị:

a. Tiến độ thi công phần xây dựng và thiết bị:

Đã thi công phần đào và đắp đất đá của dự án đạt 118.500 m³ đạt 100% khối lượng.

Đã thi công đào hầm dẫn dòng đạt 4070m đạt 100% khối lượng.

Đã thi công bê tông nhà máy 2.480m³ đạt 100% khối lượng.

b. Tiến độ thi công phần chế tạo và lắp đặt thiết bị:

Đã chế tạo và nhập khẩu 96% khối lượng thiết bị.

Đã lắp đặt 85% thiết bị Nhà máy.

c. Tiến độ thi công phần trạm nâng 110/10/6.3kV:

Đã thi công xong phần xây dựng, đã ký Hợp đồng và đang chế tạo thiết bị.

d. Thi công trạm cắt và đường dây 110kV:

Hiện tại đã có quy hoạch sử dụng đất, Ban điều hành đang làm thủ tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất. Sau khi UBND thành phố Đà Nẵng thông qua kế hoạch sử dụng đất sẽ triển khai thi công. Kế hoạch sẽ triển khai thi công từ tháng 5/2026 và phát điện vào Quý II/2027.

4. Thực hiện việc trung tu theo định kỳ Nhà máy Thủy điện An Điền II:

- Nhà máy thủy điện An Điền II đã thực hiện việc thí nghiệm định kỳ vào tháng 07/2022. Việc thực hiện trung tu phần cơ khí Nhà máy đang được lên kế hoạch thực hiện, việc trung tu sẽ được thực hiện luân phiên từng tổ máy và làm vào mùa khô nhằm không làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

- Hiện nay lòng hồ thủy điện An Điền II đã bị bồi lắng rất nhiều, để tăng dung tích hồ chứa, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ban điều hành kính trình Hội đồng quản trị xem xét cho khảo sát đánh giá và triển khai nạo vét lòng hồ.

II. Kế hoạch thực hiện SXKD năm 2026:

Trên cơ sở thực hiện các năm trước, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện SXKD năm 2025	Kế hoạch SXKD năm 2026	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng phát lên lưới	kWh	84.453.112	68.924.665	81,61
2. Doanh thu bán điện	đồng	89.567.358.991	78.659.989.814	87,82
3. Giá vốn hàng bán	đồng	19.125.494.845	19.348.656.094	101,17
Trong đó : Khấu hao TSCĐ	đồng	11.606.720.058	11.606.720.058	100,00
4. Lợi nhuận gộp	đồng	70.441.864.146	59.311.333.720	84,20
5. Doanh thu hoạt động TC	đồng	537.959.007		

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện SXKD năm 2025	Kế hoạch SXKD năm 2026	Tỷ lệ (%)
6. Chi phí tài chính	đồng	5.786.505.777	5.786.505.777	100,00
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	đồng	5.786.505.777	5.786.505.777	100,00
7. Thu nhập khác	đồng	434.602.694		
8. Chi phí khác	đồng	880.412.686		
8. Chi phí quản lý DN	đồng	2.354.513.563	2.354.513.563	100,00
9. Lợi nhuận trước thuế	đồng	62.392.993.821	51.170.314.380	82,01
10. Thuế TNDN	đồng	6.359.171.612	10.234.062.876	160,93
11. Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	56.033.822.209	40.936.251.503	73,06

(Chi tiết xem Phụ lục 02 đính kèm).

- Trong năm 2026, Công ty sẽ tập trung toàn bộ nguồn nước để ưu tiên phát điện, đặc biệt phát điện tối đa công suất vào giờ cao điểm, sắp xếp thời gian hợp lý để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa các tổ máy trên nguyên tắc ưu tiên chạy máy phát điện khi có nước về hồ;

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng về Tình hình thực hiện SXKD năm 2025 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2026 của Nhà máy Thủy điện An Diêm II, tỉnh Quảng Nam.

Kính báo cáo và kính trình Hội đồng quản trị thông qua các nội dung trên

Trân trọng báo cáo!

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

* **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Văn Phúc





Phụ lục số : 01

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025 VÀ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2025

Nhà máy thủy điện an Diêm II

DVT : Đồng

TT	Nội dung	DVT	Kế hoạch SXKD năm 2025	Thực hiện SXKD năm 2025	Ghi chú
I	Sản lượng điện	kWh	70,481,968	84,453,112	
II	Doanh thu bán điện	Đồng	80,445,091,901	89,567,358,991	
I	Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng		537,959,007	
III	Tổng chi phí	Đồng	28,719,488,596	28,146,926,871	
I	Chi phí QLDN	Đồng	2,717,909,984	2,354,513,563	
+	Tiền lương	Đồng	914,112,752	998,939,821	
+	Phụ cấp HĐQT, BKS	Đồng	258,000,000	258,000,000	
+	BHXH, YT, TN, KPCĐ	Đồng	116,986,784	116,986,784	
+	Chi phí QLDN (CP bằng tiền)	Đồng	1,428,810,448	980,586,958	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng	5,349,531,572	5,034,100,053	
+	Tiền lương	Đồng	4,524,043,414	4,463,224,982	
+	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Đồng	825,488,158	570,875,071	
3	Chi phí sản xuất chung	Đồng	2,169,346,409	2,484,674,734	
4	Chi phí khấu hao	Đồng	11,756,536,276	11,606,720,058	
5	Chi phí khác (Tiền chậm nộp thuế, tiền điện)	Đồng		880,412,686	
6	Thu nhập khác (Tiền điện thi công)	Đồng		434,602,694	
7	Chi phí lãi vay	Đồng	6,726,164,355	5,786,505,777	
IV	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	51,725,603,305	62,392,993,821	
V	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	5,172,560,331	6,359,171,612	
VI	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	46,553,042,974	56,033,822,209	

Người lập

Hà Huy Bình



Phụ lục số : 02

THỰC HIỆN SXKD NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

Nhà máy thủy điện an Điền II

ĐVT : Đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện SXKD năm 2025	KH SXKD năm 2026	Ghi chú
I	Sản lượng điện	kWh	84,453,112	68,924,665	
II	Doanh thu bán điện	Đồng	89,567,358,991	78,659,989,814	
I	Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	537,959,007		
III	Tổng chi phí	Đồng	28,146,926,871	27,489,675,434	
I	Chi phí QLDN	Đồng	2,354,513,563	2,354,513,563	
+	Tiền lương	Đồng	998,939,821	998,939,821	
+	Phụ cấp HDQT, BKS	Đồng	258,000,000	258,000,000	
+	BHXX,YT,TN,KPCĐ	Đồng	116,986,784	116,986,784	
+	Chi phí QLDN (CP bằng tiền)	Đồng	980,586,958	980,586,958	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng	5,034,100,053	5,257,261,302	
+	Tiền lương	Đồng	4,463,224,982	4,686,386,231	
+	BHXX,BHYY,BHTN,KPCĐ	Đồng	570,875,071	570,875,071	
3	Chi phí sản xuất chung	Đồng	2,484,674,734	2,484,674,734	
4	Chi phí khấu hao	Đồng	11,606,720,058	11,606,720,058	
5	Chi phí khác (Tiền chậm nộp thuế, tiền đền bù nâng cao tỉnh không đường dây 35kv)	Đồng	880,412,686		
6	Thu nhập khác (Tiền điện thi công + Tiền đền bù nâng cao tỉnh không đường dây 35kv)	Đồng	434,602,694		
7	Chi phí lãi vay	Đồng	5,786,505,777	5,786,505,777	
IV	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	62,392,993,821	51,170,314,380	
V	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	6,359,171,612	10,234,062,876	
VI	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	56,033,822,209	40,936,251,503	

Ghi chú : Năm 2026 hết ưu đãi thuế suất 10%

Người lập

Hà Huy Bình

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;
- Căn cứ vào quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP thủy điện Sông Vàng.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Vàng năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

A. Hoạt động và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2025:**1. Hoạt động của ban kiểm soát:**

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định trong điều lệ Công ty, Quy chế Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ Công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các qui định, quy chế của Công ty.
- Giám sát kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán của Công ty.
- Xem xét các Báo cáo tài chính quý, 06 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.
- Tham gia các buổi họp Hội đồng quản trị Công ty, có ý kiến về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2025:

- Ngày 06/03/2025: Họp cùng HĐQT về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 và họp Ban kiểm soát về chương trình công tác năm 2025.
- Ngày 03/06/2025: Họp cùng HĐQT về thông qua ngày đăng ký cuối cùng của cổ đông hiện hữu để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.
- Ngày 30/06/2025: Họp cùng HĐQT về việc hủy kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.
- Ngày 31/09/2025: Họp cùng HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh quý 3.2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.2025 của Công ty.

3. Tiền lương và thù lao Ban kiểm soát năm 2025:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Tiền lương năm 2025 (đồng)	Ghi chú
----	-----------	---------	----------------------------	---------

Thù lao của Ban kiểm soát Công ty				
1	Lương Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	24.000.000	Không kiêm nhiệm
2	Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên BKS	24.000.000	Không kiêm nhiệm
3	Nguyễn Mai Lan	Thành viên BKS	24.000.000	Không kiêm nhiệm
	Tổng cộng		72. 000.000	
<i>Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn.</i>				

B. Đánh giá về hoạt động Công ty trong năm 2025:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính:
- Qua xem xét báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát cơ bản thống nhất số liệu tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng (kWh)	70.481.968	84.453.112	119,82
2. Doanh thu bán điện	80.445.091.901	89.567.358.991	111,34
3. Giá vốn hàng bán	19.275.414.257	19.125.494.845	99,22
<i>Trong đó: Khấu hao TSCĐ</i>	<i>11.756.536.276</i>	<i>11.606.720.058</i>	<i>98,73</i>
4. Lợi nhuận gộp	61.169.677.644	70.441.864.146	115,16
5. Doanh thu hoạt động TC		537.959.007	
6. Chi phí tài chính	6.726.164.355	5.786.505.777	86,03
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	<i>6.726.164.355</i>	<i>5.786.505.777</i>	<i>86,03</i>
7. Thu nhập khác		434.602.694	
8. Chi phí khác		880.412.686	
9. Chi phí quản lý DN	2.717.909.984	2.354.513.563	86,63
10. Lợi nhuận trước thuế	51.725.603.305	62.392.993.821	120,62
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.172.560.331	6.359.171.612	122,94
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.553.042.974	56.033.822.209	120,37

C. Đánh giá Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban điều hành:

- Công tác quản lý của Hội đồng quản trị:

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đúng thẩm quyền theo điều lệ Công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý; HĐQT định hướng hoạt động SXKD của Công ty thông qua ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT tại các cuộc họp giao ban của Công ty.
- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định của Công ty.
 - **Công tác điều hành của Ban điều hành:**
- Ban điều hành đã thực hiện công tác điều hành đúng thẩm quyền, tuân thủ quy chế điều hành, tuân thủ các quy định về phân cấp.
- Hoạt động điều hành của Ban điều hành luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch đã được phê duyệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.
 - **Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành**
- Ban kiểm soát được tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT nên về cơ bản đã nắm bắt kịp thời và đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động, SXKD của Công ty.

D. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026:

- Tiếp tục theo dõi, kiểm soát công tác quản lý, vận hành sản xuất kinh doanh điện của Công ty trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Kiểm soát hoạt động của HĐQT Công ty, tham gia vào các cuộc họp HĐQT và trực tiếp xem xét, thẩm định và có ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể theo yêu cầu của các Cổ đông hoặc HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT theo thư mời.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quý, 06 tháng và năm.

E. Một số kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả công tác của Ban kiểm soát trong năm 2025, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trong năm 2025 và kế hoạch năm 2026 và xin tiếp thu ý kiến tham gia của quý vị cổ đông.

Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của quý vị cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban điều hành Công ty giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu BKS.



Lương Thị Ngọc Quỳnh

BÁO CÁO

(V/v: Chi trả thù lao và tiền lương cho HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 việc chi trả thù lao và tiền lương cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT như sau:

1. Báo cáo về thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2025:

Năm 2025, Công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao và tiền lương cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT làm việc kiêm nhiệm theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền lương năm 2025 (đồng)	Ghi chú
A	Tiền lương của Tổng giám đốc			
1	Tổng giám đốc	01	415.108.340	Hưởng lương chuyên trách
	Cộng A		415.108.340	
B	Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS và thư ký HĐQT			
1	Chủ tịch HĐQT	01	72.000.000	6.000.000 đồng/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	02	96.000.000	4.000.000 đồng/người/tháng
3	Trưởng ban KS	01	24.000.000	2.000.000 đồng/người/tháng
4	Thành viên BKS	02	48.000.000	2.000.000 đồng/người/tháng
5	Thư ký HĐQT	01	18.000.000	1.500.000 đồng/người/tháng
	Cộng B		258.000.000	
	Tổng cộng (A + B)		673.108.340	

(Bằng chữ: Sáu trăm bảy ba triệu, một trăm lẻ tám ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).

2. Phương án chi trả thù lao và tiền lương năm 2026:

Căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty dự kiến phương án chi trả thù lao và tiền lương cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT làm việc kiêm nhiệm như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền lương năm 2026 (đồng)	Ghi chú
A	Tiền lương của Tổng giám đốc			
1	Tổng giám đốc	01	415.108.340	Hưởng lương chuyên trách
	Cộng A		415.108.340	
B	Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS và thư ký HĐQT			
1	Chủ tịch HĐQT	01	72.000.000	6.000.000 đồng/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	02	96.000.000	4.000.000 đồng/người/tháng
3	Trưởng ban KS	01	24.000.000	2.000.000 đồng/người/tháng
4	Thành viên BKS	02	48.000.000	2.000.000 đồng/người/tháng
5	Thư ký HĐQT	01	18.000.000	1.500.000 đồng/người/tháng
	Cộng B		258.000.000	
	Tổng cộng (A + B)		673.108.340	

(Bằng chữ: Sáu trăm bảy ba triệu, một trăm lẻ tám ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).

Trân trọng báo cáo!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP, HĐQT.



Lê Thái Hưng

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;
- Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2007 của Bộ tài chính ban hành quy chế lựa chọn Doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của CTCP Thủy điện Sông Vàng;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính số 05/2025/BCTC/LAV ký ngày 23/03/2026 của Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Quốc Tế.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025 của CTCP Thủy điện Sông Vàng.

(Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025 kèm theo)

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thái Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400476650 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2004 và được thay đổi lần 18 ngày 26/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng) cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch HĐQT
Ông Ưng Văn Phúc	Thành viên
Ông Lưu Quang Việt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Lan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ưng Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Long	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ưng Văn Phúc - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán. Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC đã được sửa đổi và bổ sung một số điều theo Thông tư 68/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ưng Văn Phúc

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2026

Số: 05/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN PHƯƠNG THÚY

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2022-283-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.044.195.586	85.426.342.844
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.276.468.580	12.633.959.521
1. Tiền	111		13.276.468.580	12.633.959.521
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.753.575.429	65.475.481.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	11.912.655.452	11.878.647.407
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	39.142.563.244	38.819.126.569
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	8.940.443.836	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	10.783.264.897	14.803.059.817
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.352.000)	(25.352.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.014.151.577	7.316.901.530
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.014.151.577	7.316.901.530
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		483.542.572.669	422.157.110.623
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		171.409.736.143	181.606.421.184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	171.409.736.143	181.606.421.184
- Nguyên giá	222		451.888.486.795	450.478.451.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(280.478.750.652)	(268.872.030.594)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		309.119.607.359	240.550.689.439
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	309.119.607.359	240.550.689.439
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.013.229.167	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	3.013.229.167	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		573.586.768.255	507.583.453.467

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	89.567.358.991	59.872.017.097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		89.567.358.991	59.872.017.097
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	19.125.494.845	18.582.130.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		70.441.864.146	41.289.886.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	537.959.007	1.179.519.231
7. Chi phí tài chính	22	5.4	5.786.505.777	6.726.164.355
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.786.505.777	6.726.164.355
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.354.513.563	2.717.909.984
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		62.838.803.813	33.025.331.406
11. Thu nhập khác	31	5.6	434.602.694	1.156.013.067
12. Chi phí khác	32	5.7	880.412.686	1.249.211.292
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(445.809.992)	(93.198.225)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		62.392.993.821	32.932.133.181
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	6.359.171.612	1.842.791.652
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		56.033.822.209	31.089.341.529
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	3.781	2.098
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	3.781	2.098



Người lập biểu
Hà Huy Bình



Kế toán trưởng
Hà Huy Bình



Tổng Giám đốc

Ứng Văn Phúc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.392.993.821	32.932.133.181
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.606.720.058	11.474.529.276
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(537.959.007)	(1.179.519.231)
- Chi phí lãi vay	06		5.786.505.777	6.726.164.355
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.248.260.649	49.953.307.581
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.965.100.153	8.565.048.352
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		22.231.149.082	(27.559.438.946)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.013.229.167)	208.557.835
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.786.505.777)	(6.726.164.355)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(3.458.654.335)	(2.141.796.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		94.186.120.605	22.299.514.432
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(69.978.952.937)	(93.359.536.318)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.440.443.836)	(14.615.168.772)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.500.000.000	15.619.818.954
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		537.959.007	1.179.519.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(78.381.437.766)	(91.175.366.905)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	22.259.368.219	93.321.310.983
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(37.421.541.999)	(14.797.564.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.162.173.780)	78.523.746.983
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		642.509.059	9.647.894.510
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.633.959.521	2.986.065.011
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		13.276.468.580	12.633.959.521



Người lập biểu
Hà Huy Bình



Kế toán trưởng
Hà Huy Bình



Tổng Giám đốc
Ứng Văn Phúc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400476650 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2004 và được thay đổi lần 18 ngày 26/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 18 là 148.206.625.000 đồng. Tổng số cổ phần là: 14.820.662 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 38 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 37 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất, truyền tải và phân phối điện

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 kV;
- Sửa chữa các thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lưu hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu-chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.4 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thời gian khấu hao

	(năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 06

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh

lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mục b, Điều 2, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/CN-UBND ngày 18/07/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp như sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại;
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4.500.079.292	4.023.687.822
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.776.389.288	8.610.271.699
	13.276.468.580	12.633.959.521

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng công ty điện lực miền Trung (PC3)	11.912.655.452	11.878.647.407
	11.912.655.452	11.878.647.407

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Prime Trung Tín	-	18.118.721.641
Công ty TNHH Tập đoàn Văn Tiến Hồ Nam	35.869.149.875	16.227.461.000
Trả trước cho người bán khác	3.273.413.369	4.472.943.928
	39.142.563.244	38.819.126.569

4.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn (i)	8.940.443.836	-
	8.940.443.836	-
Phải thu về cho vay với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	8.940.443.836	-

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 03.25/SV-NC ngày 23/01/2025; lãi suất: 7%/năm; thời hạn cho vay: 12 tháng; Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.

4.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	3.017.211.788	-	8.974.068.075	-
Tạm ứng cho CBNV	4.395.846.402	-	3.207.196.939	-
Các khoản phải thu khác	3.370.206.707	(25.352.000)	2.621.794.803	(25.352.000)
	10.783.264.897	(25.352.000)	14.803.059.817	(25.352.000)
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	4.022.074.673		2.818.765.929	

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản	309.119.607.359	240.550.689.439
Dự án An Điền II mở rộng (i)	309.119.607.359	240.550.689.439
	309.119.607.359	240.550.689.439

(i) Công ty thực hiện dự án theo Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1934/QĐ-UBND ngày 20/07/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam:

- Mục tiêu và quy mô dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện phát điện lên lưới điện Quốc Gia với công suất 29,6 MW (trong đó: Giai đoạn 1 đầu tư nhà máy thủy điện với công suất 15,6 MW đã đi vào hoạt động; Giai đoạn 2: Đầu tư mở rộng thủy điện với công suất 14 MW).

- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2: 446.664.093.000 đồng.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.902.395.834	-
Chi phí trả trước chờ phân bổ	110.833.333	-
	3.013.229.167	-

4.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	340.515.878.283	108.965.581.881	946.900.705	50.090.909	450.478.451.778
Tăng trong năm	-	-	1.410.035.017	-	1.410.035.017
Mua trong kỳ	-	-	1.410.035.017	-	1.410.035.017
Số dư cuối năm	340.515.878.283	108.965.581.881	2.356.935.722	50.090.909	451.888.486.795
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	159.033.457.099	108.841.581.881	946.900.705	50.090.909	268.872.030.594
Tăng trong năm	11.350.529.276	124.000.000	132.190.782	-	11.606.720.058
Khấu hao trong năm	11.350.529.276	124.000.000	132.190.782	-	11.606.720.058
Số dư cuối năm	170.383.986.375	108.965.581.881	1.079.091.487	50.090.909	280.478.750.652
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	181.482.421.184	124.000.000	-	-	181.606.421.184
Số dư cuối năm	170.131.891.908	-	1.277.844.235	-	171.409.736.143

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 109.962.573.495 VND, tại 01/01/2025 là 109.590.573.495 VND;
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 170.131.891.908 VND, tại ngày 01/01/2025 là 181.482.421.184 VND.

4.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư & Phát triển hạ tầng	2.314.082.000	2.314.082.000	2.314.082.000	2.314.082.000
Tổng công ty lắp máy Việt Nam	11.086.415.303	11.086.415.303	13.086.415.303	13.086.415.303
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	-	-	1.788.319.259	1.788.319.259
Công ty Cổ phần Prime Trung Tín	27.621.032.951	27.621.032.951	-	-
Các đối tượng khác	4.197.002.849	4.197.002.849	5.560.129.602	5.560.129.602
	45.218.533.103	45.218.533.103	22.748.946.164	22.748.946.164

4.10 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	23.847.235	32.129.707
Các khoản bảo hiểm	1.064.769	6.431
Phải trả Tổng công ty lắp máy Việt Nam	1.523.615.723	1.523.615.723
Quỹ Bảo vệ tài nguyên môi trường rừng tỉnh Quảng Nam (nay là TP Đà Nẵng)	758.442.708	722.685.924
Phải trả khác	318.530.175	613.880.294
	2.625.500.610	2.892.318.079
Phải trả ngắn hạn khác của các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	-	278.531.719

4.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả khác	230.729.160	264.801.967
	230.729.160	264.801.967

4.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm				Số cuối năm	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.708.326.658	6.359.171.612	3.458.654.335	-	4.608.843.935	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	39.898.592	37.287.938	-	2.610.654	-	-
Thuế tài nguyên	-	1.170.087.564	9.195.646.449	9.157.502.555	-	1.208.231.458	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	119.252.438	119.252.438	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	5.293.680	602.044.228	602.044.228	-	5.293.680	-	-
	-	2.883.707.902	16.320.013.319	13.378.741.494	-	5.824.979.727	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.13 Vay và nợ thuế tài chính

4.13.1 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long (ii)	178.066.239.640	178.066.239.640	20.289.774.500	38.322.118.892	196.098.584.032	196.098.584.032
	178.066.239.640	178.066.239.640	20.289.774.500	38.322.118.892	196.098.584.032	196.098.584.032

4.13.2 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Bà Trần Thu Hương (i)	29.295.876.519	29.295.876.519	1.969.593.719	6.410.863.403	33.737.146.203	33.737.146.203
Công ty CP Dầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân	29.295.876.519	29.295.876.519	1.916.552.669	-	27.379.323.850	27.379.323.850
	-	-	53.041.050	6.410.863.403	6.357.822.353	6.357.822.353
Vay dài hạn đến hạn trả	32.903.220.960	32.903.220.960	38.322.118.892	31.010.678.596	25.591.780.664	25.591.780.664
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long (ii)	32.903.220.960	32.903.220.960	38.322.118.892	31.010.678.596	25.591.780.664	25.591.780.664
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của các bên liên quan (chỉ tiết Thuyết minh số 7.2)	62.199.097.479	62.199.097.479	40.291.712.611	37.421.541.999	59.328.926.867	59.328.926.867
	-	-	-	-	6.357.822.353	6.357.822.353

(i) Hợp đồng vay bà Trần Thu Hương, lãi suất 7%/năm. Hình thức bảo đảm: Tín chấp. Phụ lục gia hạn đến ngày 31/12/2026.
(ii) Bao gồm các hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 0009/2022/HDTD-OCB-DN ngày 18/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng:

- Hạn mức tín dụng: 85.529.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 84 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8,9%/năm, điều chỉnh 6 tháng mức một lần;
 - Tài sản bảo đảm:
 - + Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, công trình phụ trợ và các tài sản khác thuộc nhà máy thủy điện An Diêm II công suất 15,6 MW gắn liền trên thửa đất số 20, 21; tờ bản đồ số 1, 2, 3; diện tích 1.326.794 m²;
 - + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện An Diêm II công suất 15,6 MW
- Số dư vay hợp đồng 0009/2022/HDTD-OCB-DN tại ngày 31/12/2025: 42.186.437.380 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng số 0074/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 23/03/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Nghệ An và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 144 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Mục đích: Tài trợ đầu tư Dự án nhà máy Thủy điện An Điem II;
- Tài sản bảo đảm:

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, công trình phụ trợ và các tài sản khác thuộc Nhà máy Thủy điện An Điem II, công suất 15,6 MW gắn liền trên thửa đất số 20, 21; tờ bản đồ số 1, 2, 3; Diện tích 1.326.794 m².

+ Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy An Điem II, công suất 15,6 MW.

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị, công trình phụ trợ và các tài sản khác hình thành trong tương lai thuộc nhà máy thủy điện An Điem II mở rộng, công suất 14 MW

Số dư vay hợp đồng 00074/2022 tại ngày 31/12/2025: 168.783.023.220 đồng.

4.14 Vốn chủ sở hữu

4.14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	148.206.625.000	42.983.842.922	191.190.467.922
Lợi nhuận trong năm trước	-	31.089.341.529	31.089.341.529
Số dư cuối năm trước	148.206.625.000	74.073.184.451	222.279.809.451
Số dư đầu năm	148.206.625.000	74.073.184.451	222.279.809.451
Lợi nhuận trong năm	-	56.033.822.209	56.033.822.209
Số dư cuối năm	148.206.625.000	130.107.006.660	278.313.631.660

4.14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Điện lực Trung Sơn	127.472.000.000	86,01%	127.472.000.000	86,01%
Ông Lê Thái Hưng	14.871.000.000	10,03%	14.871.000.000	10,03%
Các cổ đông khác	5.863.625.000	3,96%	5.863.625.000	3,96%
	148.206.625.000	100%	148.206.625.000	100%

4.14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm <i>VND</i>	Số đầu năm <i>VND</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	148.206.625.000	148.206.625.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	148.206.625.000	148.206.625.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.14.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm <i>Cổ phiếu</i>	Số đầu năm <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.820.662	14.820.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.820.662	14.820.662
Cổ phiếu phổ thông	14.820.662	14.820.662
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.820.662	14.820.662
Cổ phiếu phổ thông	14.820.662	14.820.662
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

4.14.5 Phân phối lợi nhuận

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	74.073.184.451	42.983.842.922
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	56.033.822.209	31.089.341.529
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	-	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	130.107.006.660	74.073.184.451

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Doanh thu bán điện	89.567.358.991	59.872.017.097
	89.567.358.991	59.872.017.097

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Giá vốn bán điện	19.125.494.845	18.582.130.583
	19.125.494.845	18.582.130.583

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	537.959.007	1.179.519.231
	537.959.007	1.179.519.231
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	440.443.836	232.584.386

5.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.786.505.777	6.726.164.355
	5.786.505.777	6.726.164.355
Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	53.041.050	-

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.373.926.605	1.247.446.060
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	980.586.958	1.470.463.924
	2.354.513.563	2.717.909.984

5.6 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền điện thi công	-	573.980.067
Cung cấp dịch vụ kỹ thuật	301.570.087	-
Các khoản khác	133.032.607	582.033.000
	434.602.694	1.156.013.067
Thu nhập khác phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	278.770.087	-

5.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền điện	-	486.462.916
Các khoản chậm nộp tiền thuế	602.044.228	204.115.376
Các chi phí khác	278.368.458	558.633.000
	880.412.686	1.249.211.292

5.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	6.359.171.612	1.708.337.658
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	134.453.994
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.359.171.612	1.842.791.652

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.392.993.821	32.932.133.181
Hoạt động được ưu đãi thuế	61.796.315.749	32.588.631.644
Hoạt động kinh doanh khác	596.678.072	343.501.537
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	602.044.228	204.115.376
<i>Hoạt động được ưu đãi thuế</i>	602.044.228	204.115.376
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	602.044.228	204.115.376
<i>Hoạt động khác</i>	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập đã tính thuế TNDN năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	62.995.038.049	33.136.248.557
Hoạt động được ưu đãi thuế	62.398.359.977	32.792.747.020
Hoạt động kinh doanh khác	596.678.072	343.501.537
Thuế suất thuế TNDN		
Hoạt động được ưu đãi thuế	10%	10%
Hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Thuế TNDN	6.359.171.612	3.347.975.009
Thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi thuế	6.239.835.998	3.279.274.702
Hoạt động kinh doanh khác	119.335.614	68.700.307
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	1.639.637.351
Hoạt động được ưu đãi thuế	-	1.639.637.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.359.171.612	1.708.337.658

5.9 Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	56.033.822.209	31.089.341.529
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	56.033.822.209	31.089.341.529
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	14.820.662	14.820.662
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.781	2.098
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.781	2.098

5.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	6.408.026.658	6.185.700.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.606.720.058	11.474.529.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.800.114.231	2.898.856.317
Chi phí khác bằng tiền	665.147.461	1.466.366.615
	21.480.008.408	22.025.453.166

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	22.259.368.219	93.321.310.983
	22.259.368.219	93.321.310.983

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	37.421.541.999	14.797.564.000
	37.421.541.999	14.797.564.000

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết

Trong kỳ kế toán, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay		Năm trước	
		Tiền lương VND	Thù lao VND	Tiền lương VND	Thù lao VND
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch	-	72.000.000	-	72.000.000
Ông Lưu Quang Việt	Thành viên	-	48.000.000	-	48.000.000
Ông Ứng Văn Phúc	Thành viên	-	54.408.000	-	48.000.000
Ông Phạm Văn Long	Thư ký	-	24.408.000	-	18.000.000
Ban kiểm soát					
Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng ban	-	24.000.000	-	24.000.000
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên	-	24.000.000	-	24.000.000
Bà Nguyễn Mai Lan	Thành viên	-	24.000.000	-	24.000.000
Ban Tổng Giám đốc					
Ông Ứng Văn Phúc	TGD	432.720.651	-	394.014.001	-
Ông Phạm Văn Long	P.TGD	369.306.207	-	333.890.909	-
Ông Hà Huy Bình	KTT	312.255.636	-	278.646.792	-
Tổng cộng		1.114.282.494	270.816.000	1.006.551.703	258.000.000

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

		Nội dung	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các thành viên HĐQT				
Ông Lê Thái Hưng	Tam ứng		1.762.000.000	1.762.000.000
Các thành viên Ban TGD				
Ứng Văn Phúc	Tạm ứng		1.605.000.000	410.000.000
Phạm Văn Long	Tạm ứng		399.707.199	391.398.455
Hà Huy Bình	Tạm ứng		255.367.474	255.367.474
			4.022.074.673	2.818.765.929

7.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Điện lực Trung Sơn	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân	Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	Công ty Con của Công ty CP Điện lực Trung Sơn
Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn	Công ty Con của Công ty CP Điện lực Trung Sơn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Doanh thu tài chính	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân	Lãi cho vay	-	232.584.386
Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn	Lãi cho vay	440.443.836	-
		440.443.836	232.584.386

Chi phí tài chính	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân	Lãi vay nhập gốc	53.041.050	-
		53.041.050	-

Thu nhập khác	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Điện lực Trung Sơn	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật	278.770.087	-
		278.770.087	-

Các giao dịch khác	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Điện lực Trung Sơn	Thuê cung cấp dịch vụ	-	198.936.999
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân	Chi tiền cho vay	-	14.382.584.386
	Thu tiền cho vay	-	15.619.818.954
	Trả tiền vay	6.410.863.403	-
Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn	Chi tiền cho vay	15.440.443.836	-
	Thu tiền cho vay	6.500.000.000	-

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

	Nội dung	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn	Cho vay tiền	8.940.443.836	-
		8.940.443.836	-

	Nội dung	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty CP Điện lực Trung Sơn	Phải trả phí quản lý	-	278.531.719
		-	278.531.719

	Nội dung	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân	Vay ngắn hạn	-	6.357.822.353
		-	6.357.822.353

7.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

7.4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.



Người lập biểu
Hà Huy Bình



Kế toán trưởng
Hà Huy Bình



Tổng Giám đốc

Ưng Văn Phúc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 23 tháng 03 năm 2026



TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2026
và Kiểm toán tài chính năm 2026)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;

- Căn cứ quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2004 của Bộ tài chính ban hành quy chế lựa chọn Doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

- Căn cứ vào danh sách các Công ty kiểm toán đủ năng lực, đủ điều kiện kiểm toán báo cáo tài chính của Bộ tài chính ban hành năm 2026.

- Căn cứ báo giá soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của 03 đơn vị kiểm toán.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 lựa chọn một trong 03 đơn vị thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 và Báo cáo tài chính năm 2026 bao gồm:

- | | |
|---|---------------------|
| 1. CN Công ty TNHH Kiểm toán NVA | : 100.000.000 đồng. |
| 2. Công ty TNHH Kiểm toán BDO | : 100.000.000 đồng. |
| 3. Công ty TNHH kiểm toán và định giá quốc tế IAV | : 80.000.000 đồng. |

Để đảm bảo tài liệu tài chính được minh bạch rõ ràng, đúng với qui định hiện hành của Nhà nước, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán phù hợp.

Trong trường hợp đàm phán với các công ty kiểm toán nêu trên không thành công thì kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn công ty kiểm toán trong danh mục các đơn vị kiểm toán được Bộ tài chính, UBCKNN chấp thuận thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 và Báo cáo tài chính năm 2026 .

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng!

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.



Lương Thị Ngọc Quỳnh

TỜ TRÌNH

(V/v: Điều chỉnh tiến độ hoàn thành và đưa vào phát điện
Dự án Thủy điện An Điền II mở rộng)

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 - CTCP
THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 07/05/2021;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 07/05/2021;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 07/05/2021;
- Căn cứ báo cáo của Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng và tình hình thực tế triển khai thi công Thủy điện An Điền II mở rộng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 CTCP Thủy điện Sông Vàng cho phép Điều chỉnh tiến độ hoàn thành và đưa vào phát điện Dự án Thủy điện An Điền II mở rộng, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh tiến độ hoàn thành và đưa vào vận hành phát điện dự án Thủy điện An Điền II mở rộng vào Quý 2 năm 2027.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 – Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng thông qua việc điều chỉnh tiến độ hoàn thành và đưa vào phát điện Dự án An Điền II mở rộng như trên.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Thái Hưng